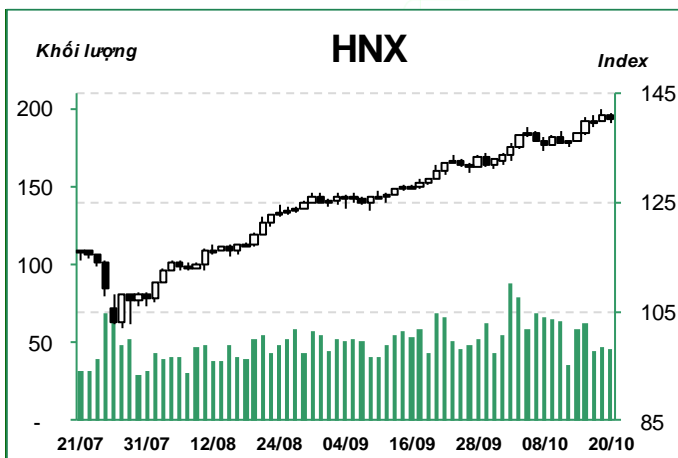
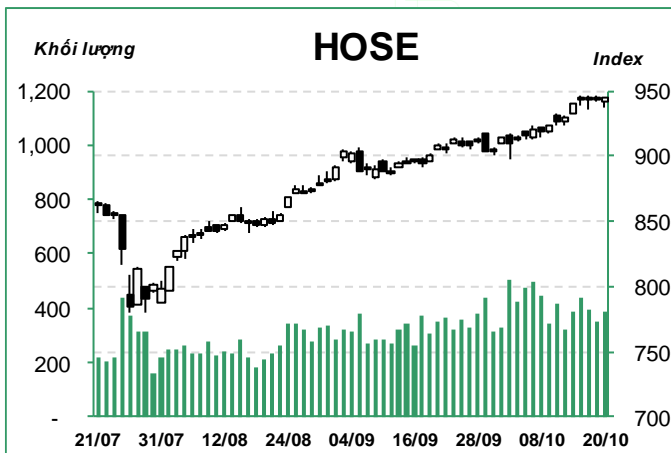


## Tổng quan thị trường

20/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>944.42</b>	<b>0.08%</b>	<b>909.49</b>	<b>0.66%</b>	<b>140.33</b>	<b>-0.40%</b>
Cuối tuần trước	943.30	0.12%	901.59	0.88%	139.82	0.36%
Trung bình 20 ngày	924.04	2.21%	875.19	3.92%	136.47	2.82%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>444.33</b>	<b>14.09%</b>	<b>194.15</b>	<b>20.77%</b>	<b>49.28</b>	<b>-0.53%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>385.66</b>	<b>9.20%</b>	<b>179.99</b>	<b>26.60%</b>	<b>46.05</b>	<b>-2.71%</b>
Trung bình 20 ngày	402.12	-4.09%	135.54	32.80%	58.61	-21.43%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>9,190.83</b>	<b>16.61%</b>	<b>5,450.72</b>	<b>21.28%</b>	<b>770.74</b>	<b>-0.31%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>7,745.92</b>	<b>11.91%</b>	<b>4,993.23</b>	<b>28.16%</b>	<b>717.22</b>	<b>-3.21%</b>
Trung bình 20 ngày	7,065.90	9.62%	3,569.21	39.90%	778.29	-7.85%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
<b>Số mã tăng</b>	200	43%	17	57%	65	18%
<b>Số mã giảm</b>	189	40%	10	33%	80	23%
<b>Số mã đứng giá</b>	81	17%	3	10%	209	59%



Thị trường có phiên giao dịch âm ảm với sắc đỏ lan tỏa trong phần lớn thời gian giao dịch. Tuy nhiên, lực cầu mua đỡ vẫn đang được duy trì khá tốt và luân phiên trong nhóm cổ phiếu trụ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến áp lực điều chỉnh của các chỉ số không thật sự đáng kể, thậm chí VN-Index còn bật tăng cuối phiên.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa trong sắc xanh tại mức 944.42 điểm (+0.08%), đánh dấu chuỗi 8 phiên tăng điểm liên tiếp của chỉ số này. Thanh khoản vẫn duy trì ở mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 385.7 triệu cổ phiếu (+9.2%), tương đương 7,746 tỷ đồng giá trị (+11.9%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 200 mã tăng so với 189 mã giảm.

Diễn biến bật tăng của nhóm ngân hàng cuối phiên chính là nguyên nhân kéo chỉ số tăng điểm. Ngoài trừ Vietinbank-CTG (-0.2%) đóng cửa trong sắc đỏ, các cổ phiếu còn lại trong nhóm đều chốt phiên với sắc xanh tích cực. Trong đó dẫn đầu là Techcombank-TCB (+3.9%), MBBank-MBB (+2.5%) và VPBank-VPB (+1.4%). Ngoài ra, Masan-MSN (+2.1%), Hòa Phát-HPG (+1.6%) và Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+6.5%) cũng là những cổ phiếu khởi sắc hỗ trợ cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, dầu khí và thực phẩm đồ uống là 2 nhóm ngành gây áp lực chính cho thị trường với những cổ phiếu giảm điểm như Vinamilk-VNM (-1.4%), PV Gas-GAS (-1.9%), Sabeco-SAB (-1.1%) hay Petrolimex-PLX (-0.5%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay, đạt giá trị 877.5 tỷ đồng (+147.4%). Trong đó, DIC Corp-DIG (-538.9 tỷ) bất ngờ bị bán tháo trong khi Masan-MSN (-282.1 tỷ), VPBank-VPB (-67.3 tỷ) cũng đang bị khối ngoại liên tục rút vốn trong những ngày gần đây. Trái lại, Vietcombank-VCB (+56.5 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+28.4 tỷ), Hòa Phát-HPG (+18.8 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
DIG	28,262.9	494.60
TPB	3,326.1	83.15
FPT	1,379.1	78.61
HDB	2,755.0	65.23
ASG	1,380.0	53.13
VPB	2,304.0	52.99
NVL	840.0	50.88
MBB	2,370.0	43.91
HPG	1,109.0	32.19
GMD	1,244.0	30.20
<b>HNX</b>		
IDC	610.0	15.13
SZB	387.3	12.51
RCL	382.3	7.07
CEO	742.5	6.09
GDW	215.2	5.38
PVS	200.0	2.52
GKM	135.0	2.25
NBW	57.5	1.16
VE9	453.9	0.55
ACB	20.0	0.47

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index chấm dứt chuỗi 5 phiên tăng liên tiếp khi đóng cửa giảm nhẹ tại mức 140.33 điểm (-0.40%). KLGĐ khớp lệnh đạt 46.1 triệu cổ phiếu (-2.7%), tương đương 717.2 tỷ đồng giá trị (-3.2%).

Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.3%), Khách sạn Đại Dương-OCH (-9.8%), Vinaconex-VCG (-0.7%), Chứng khoán IB-VIX (-6.2%) là những cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh khiến chỉ số giảm điểm. Ngược lại, đà tăng của Dầu khí PTSC-PVS (+2.2%), Idico-IDC (+1.5%), Bảo hiểm PVI-PVI (+1.4%) không đủ để giúp chỉ số đảo chiều.

Khối ngoại có phiên mua ròng mạnh trên sàn HNX với giá trị 6.1 tỷ đồng (+755.4%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+6.8 tỷ), Dược Phẩm TW3-DP3 (+1.0 tỷ), Tasco-HUT (+0.5 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.0 tỷ), Tập đoàn CEO-CEO (-0.3 tỷ), Nông nghiệp Trung An-TAR (-0.3 tỷ) .

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có chuỗi tăng điểm tám phiên liên tiếp. Khối lượng giao dịch tuy ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên nhưng có tín hiệu tăng trở lại so với phiên trước đó, cho thấy dòng tiền có dấu hiệu tái gia nhập thị trường. Không những vậy, xu hướng chính của chỉ số vẫn là phục hồi, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Thêm vào đó, chỉ số có nền rút chân đóng cửa cao nhất phiên và chỉ báo MACD giữ trạng thái hướng lên so với Signal, cho thấy cơ hội để chỉ số tiếp tục tăng điểm vẫn còn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng lên thử thách vùng kháng cự 982.8 điểm (Fib 161.8). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên diễn biến kém tích cực hơn với phiên giảm điểm trở lại. Mặc dù vậy, chỉ số vẫn giữ được trên MA5 và chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, chỉ số có thể sớm tăng điểm trở lại và hướng lên thử ngưỡng kháng cự tâm lý 150 điểm. Nhìn chung, thị trường có thể vẫn giữ được xu hướng phục hồi. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các phiên rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục của mình hợp lý hơn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DC4	15.9	468.8	17.8%
TTE	10.1	0.0	7.0%
CRC	14.6	408.5	7.0%
SGT	5.9	6.9	7.0%
TDW	23.9	0.1	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	36.8	0.0	-7.0%
LGC	57.5	0.1	-7.0%
LAF	10.0	1.6	-6.9%
TIX	27.0	0.1	-6.9%
SC5	17.8	8.0	-5.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	23.9	823.5	3.9%
TCH	20.9	767.3	1.5%
MSN	83.7	404.5	2.1%
HPG	29.4	385.4	1.6%
VPB	24.8	319.7	1.4%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TCH	20.9	36,953.6	1.5%
TCB	23.9	34,662.4	3.9%
STB	14.2	17,698.2	0.7%
ITA	5.2	13,338.8	2.8%
HPG	29.4	13,319.2	1.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ARM	15.4	0.1	10.0%
SIC	13.3	1.8	9.9%
PMB	9.2	0.1	9.5%
S55	25.9	43.0	9.3%
NFC	7.3	0.1	9.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VTC	8.1	30.1	-10.0%
PPY	18.1	0.2	-10.0%
BKC	5.5	0.1	-9.8%
SDG	29.5	1.1	-9.8%
OCH	8.3	7.7	-9.8%

#### Top 5 giá trị

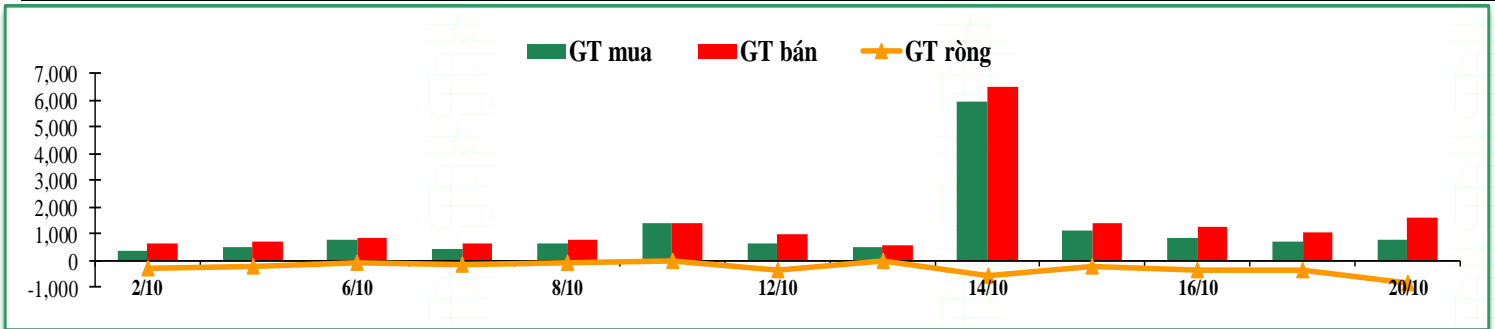
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	25.3	286.9	0.0%
PVS	14.2	116.0	2.2%
SHB	15.8	47.0	-1.3%
SHS	13.7	32.7	0.7%
VCS	75.2	21.7	-0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	25.3	11,363.0	0.0%
PVS	14.2	8,170.6	2.2%
SHB	15.8	2,970.8	-1.3%
SHS	13.7	2,403.7	0.7%
NVB	9.0	1,730.1	-1.1%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	753.9	8.2%	1,631.4	17.8%	-877.5
HNX	11.6	1.5%	5.5	0.7%	6.1
<b>Tổng số</b>	<b>765.5</b>		<b>1,636.9</b>		<b>-871.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	29.4	86.0	1.6%
FPT	53.2	73.0	-0.2%
VCB	87.7	61.4	0.2%
VHM	76.2	52.4	0.1%
MBB	18.7	51.3	2.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DIG	19.6	540.2	4.5%
MSN	83.7	296.0	2.1%
VHM	76.2	119.6	0.1%
VPB	24.8	99.4	1.4%
FPT	53.2	73.0	-0.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	87.7	56.5	0.2%
HSG	15.6	28.4	6.5%
HPG	29.4	18.8	1.6%
VIC	97.8	14.4	0.1%
DPM	17.1	13.9	1.5%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	13.7	6.8	0.7%
BAX	66.0	2.3	-2.7%
DP3	81.0	1.0	-1.7%
HUT	2.6	0.5	0.0%
VIX	12.1	0.2	-6.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BAX	66.0	2.2	-2.7%
SHB	15.8	1.0	-1.3%
CEO	7.5	0.4	0.0%
TAR	21.9	0.3	2.8%
VCS	75.2	0.3	-0.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	13.7	6.8	0.7%
DP3	81.0	1.0	-1.7%
HUT	2.6	0.5	0.0%
VIX	12.1	0.2	-6.2%
VCG	42.4	0.2	-0.7%

## Tin trong nước

### Hiện tượng chưa từng có trên thị trường lãi suất

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), gần 70% doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng là cho vay qua đêm. Thế nhưng, lãi suất cho vay qua đêm cả tháng qua chỉ xoay quanh 0,1%, thấp nhất trong lịch sử. Dù lãi suất thấp, song nhu cầu vay của các ngân hàng vẫn rất thấp, có ngày chỉ hơn 30.000 tỷ đồng.

Mức lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng tại Việt Nam đang xấp xỉ lãi suất cho vay qua đêm tại Mỹ (hiện là 0,8%). Thậm chí, trong tháng 10, có thời điểm lãi suất cho vay qua đêm tại Việt Nam thấp hơn cả tại thị trường Mỹ.

“Đây là hiện tượng chưa từng xảy ra trên thị trường lãi suất tại Việt Nam, chứng tỏ các ngân hàng đang rất thừa tiền”, chuyên gia phân tích Phan Dũng Khánh nhận định.

Bà Nguyễn Thị Phụng, Phó Tổng giám đốc Agribank cũng khẳng định, tín dụng tăng chậm trong khi vốn huy động vẫn ò ạt chảy vào ngân hàng đang khiến ngân hàng dư thừa một lượng vốn lớn. Trong khi đó, việc đầu tư cho vay trên thị trường 2 không hiệu quả do lãi suất thấp kỷ lục, ngân hàng nào cũng dư thừa tiền, không có nhu cầu vay mượn lẫn nhau.

Trong 5 năm gần đây, mặt bằng lãi suất đã thay đổi rất mạnh. Nếu đầu năm 2016, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng trên thị trường ở mức 5%/năm, thì hiện tại đã giảm còn 3,1- 3,3%/năm. Lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm tại các ngân hàng lớn cũng tụt về 5,8%/năm so với mức 7%/năm 5 năm trước.

Trong báo cáo vừa gửi Quốc hội, NHNN khẳng định, từ năm 2016 đến nay, NHNN điều chỉnh giảm 2-2,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,8-1,5%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 2,5%/năm trần lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên.

Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm nay, NHNN đã 3 lần giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh. So với các nước trong khu vực, mức giảm lãi suất điều hành của Việt Nam là một trong các mức giảm mạnh nhất: Philipines giảm 1,75%; Thái Lan giảm 0,75%; Malaysia giảm 1,25%; Indonesia giảm 1%; Ấn Độ giảm 1,15%; Trung Quốc giảm 0,3%. Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, lãi suất cho vay tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên hiện ở mức 4,5%/năm, giảm khoảng 2,5%/năm so với năm 2016.

### Không chỉ nguồn vốn đang rẻ đi đáng kể, mà luồng tín dụng cũng đang được nắn vào các địa chỉ ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, vốn vào các lĩnh vực “nóng” dần được kiểm soát.

Phó thống đốc NHNN Đào Minh Tú cho hay, tính đến ngày 30/9/2020, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt 8,69 triệu tỷ đồng, tăng 6,09% so với cuối năm 2019 (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,4%).

Đặc biệt, tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên có mức tăng trưởng khá.

Theo báo cáo về môi trường kinh doanh 2020 do Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) công bố, Chỉ số Tiếp cận tín dụng của Việt Nam tăng 5 điểm và tăng 7 bậc so với báo cáo trước, đứng thứ 2 trong các nước ASEAN (sau Brunei), đứng 25/190 nền kinh tế.

Thống kê của NHNN cho thấy, từ năm 2016 đến nay, tín dụng đều có mức tăng trưởng dương ngay từ những tháng đầu năm và có mức tăng trưởng bình quân năm trên 16%. Cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế như sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; tín dụng với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.

Tính đến cuối tháng 9/2020, dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ước đạt 2,12 triệu tỷ đồng với 14,17 triệu khách hàng còn dư nợ, chiếm 24,67% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế, tăng 5% so với cuối năm 2019. Tính đến cuối tháng 8/2020, tín dụng ngành công nghiệp tăng 3,24%, chiếm 18,75% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng ngành xây dựng tăng 7,13%, chiếm 9,99% tổng dư nợ ngành kinh tế; tín dụng với ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng gần 5%, chiếm 20,52% tổng dư nợ.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Đạm Phú Mỹ lãi quý III gấp 3 lần cùng kỳ, đạt 183 tỷ đồng**

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (HoSE: DPM) công bố doanh thu thuần quý III tăng hơn 3% lên 1.955 tỷ đồng. Nhờ giá vốn giảm, lợi nhuận gộp tăng 38% lên 433 tỷ đồng, tương đương biên lợi nhuận gộp hơn 22%.

Lợi nhuận sau thuế cao gấp 3 lần cùng kỳ đạt gần 183 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận tăng trưởng là do giá khí (nguyên liệu đầu vào chính của sản phẩm Đạm Phú Mỹ) giảm so với cùng kỳ làm cho giá thành sản phẩm giảm.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần tăng 8% lên 5.832 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gấp gần 4 lần cùng kỳ đạt 597 tỷ đồng. Đây là mức lợi nhuận 9 tháng cao nhất kể từ 2016 đến nay. So với kế hoạch năm 421 tỷ đồng, Đạm Phú Mỹ đã vượt 42% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm.

Quy mô tài sản của doanh nghiệp không có nhiều biến động lớn khi đạt 11.300 tỷ đồng; trong đó lượng tiền và tiền gửi ngắn hạn hơn 4.100 tỷ đồng, chiếm hơn 36% tổng tài sản.

### **Đá Hóa An lãi kỷ lục gần 25 tỷ đồng trong quý III**

Công ty Cổ phần Hóa An (HoSE: DHA) vừa công bố báo cáo tài chính quý III với doanh thu thuần tăng 29% đạt 105 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 25 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ quý III/2019. Đây là mức doanh thu và lợi nhuận cao kỷ lục theo quý của doanh nghiệp.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu tăng 17% lên mức 278 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng gần 35% lên 67,5 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần 9 tháng đạt 4.581 đồng.

Năm 2020, Đá Hóa An đề ra mục tiêu doanh thu 302 tỷ và lợi nhuận sau thuế sau thuế 60 tỷ đồng, cổ tức dự kiến 20% bằng tiền. Như vậy, công ty đã vượt gần 13% kế hoạch năm chỉ sau 9 tháng.

### **TNG báo lãi quý III giảm 20% do khách hàng yêu cầu giảm giá bán**

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) báo cáo doanh thu quý III tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, lên 1.690 tỷ đồng. Tuy nhiên giá vốn tăng mạnh hơn khiến lợi nhuận gộp giảm 13% còn 221 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp vì thế cũng giảm từ 16,6% trong quý III/2019 xuống 13,1% trong quý III/2020.

Doanh thu tài chính tăng đáng 23,5% vẫn không bù đắp được chi phí tài chính khiến lỗ 25 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 22% lên hơn 45 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 27% còn 66 tỷ đồng.

Kết lại, lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ đồng, giảm 20% so với quý III/2019 nhưng cao hơn 3 quý trước đó. Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm mạnh hơn 33%, đạt 878 đồng/cp do công ty tăng vốn qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Lý giải nguyên nhân lợi nhuận giảm, doanh nghiệp cho biết mặc dù các đơn hàng sản xuất trong quý I và quý II đã đàm phán với khách hàng để xuất đi vào quý III. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh, khách hàng đã yêu cầu giảm giá bán một số mặt hàng từ 1-2%.

Hết quý III, TNG ghi nhận doanh thu đạt 3.529 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ 2019 và lợi nhuận sau thuế là 129 tỷ đồng, giảm 26%. Năm nay, TNG đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 4.600 tỷ đồng và lãi sau thuế 230 tỷ đồng, tương đương năm 2019. Sau 9 tháng, công ty hoàn thành 77% kế hoạch doanh thu và 56% kế hoạch lợi nhuận.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Chốt lời	21/10/20	106.2	103.6	2.5%	112.5	8.6%	101.6	-1.9%	Xu hướng điều chỉnh trở lại
2	SAB	Bán	21/10/20	185.6	190	-2.3%	210	10.5%	183	-3.7%	Xu hướng suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VIC	Quan sát mua	21/10/20	97.8	105   115	Nền rút chân cho tín hiệu test cung tích cực quanh MA200 với vol thấp -> một phiên break ngưỡng 98 kèm vol cao sẽ cho khả năng bước vào nhịp tăng mới
2	DPG	Quan sát mua	21/10/20	26.7	30   35-36	Tín hiệu test đáy tích cực với vol thấp hơn + về hỗ trợ 24.8-26 -> cần phiên tăng > 27.3 kèm vol sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
3	NT2	Quan sát mua	21/10/20	23.4	25.5   27	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ MA50 tích cực với vol giảm thấp dần + có phiên tăng vol cao trở lại -> cần một phiên tăng break kênh sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
4	GEG	Quan sát mua	21/10/20	15.8	17.3 18.3-18.7	Nhịp điều chỉnh về test hỗ trợ quanh 15.7 tích cực với vol giảm thấp dần -> cần phiên tăng > 16.2 kèm vol cao sẽ cho tín hiệu quay lại nhịp tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	28/09/20	29.35	25.75	14.0%	30	16.5%	25	-3%	
2	FPT	Nắm giữ	09/10/20	53.2	51.1	4.1%	56	9.6%	50	-2%	
3	BVH	Nắm giữ	12/10/20	54	49	10.2%	58.8	20%	47.2	-4%	Điều chỉnh giá do trả cổ tức 8% bằng tiền

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	TCM	Mua	15/10/20	25.05	23.9	4.8%	27.5	15%	23.2	-3%
5	TCB	Mua	20/10/20	23.9	23	3.9%	25.4	10%	22.3	-3%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 20/10/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,060	10.4 %	-31%	1,480	57	59,800	0	(1,060)	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	13,310	-5.3 %	82%	1,559	20	53,200	14,349	1,039	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2006	1,500	2,280	-2.2 %	52%	179	9	53,200	2,327	47	HCM	FPT	43,460	4.2	29/10/2020
CFPT2007	1,690	2,140	-0.5 %	27%	3,507	3	53,200	2,167	27	MBS	FPT	42,590	4.9	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,730	-1.7 %	15%	64,410	86	53,200	1,343		HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,730	-2.5 %	10%	23,686	59	53,200	2,210	(520)	MBS	FPT	46,800	3.0	18/12/2020
CHPG2008	4,100	7,950	3.3 %	94%	30,841	41	29,350	8,147	197	SSI	HPG	22,910	0.8	30/11/2020
CHPG2009	1,600	6,460	-0.2 %	304%	2,686	9	29,350	6,846	386	HCM	HPG	18,410	1.6	29/10/2020
CHPG2012	6,100	9,870	1.4 %	62%	6,111	90	29,350	9,789	(81)	SSI	HPG	21,680	0.8	18/01/2021
CHPG2013	6,900	11,750	-1.7 %	70%	1,271	42	29,350	12,235	485	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	10,860	0.7 %	51%	7,936	181	29,350	10,059	(801)	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,990	-3.2 %	49%	4,321	132	29,350	9,890	(100)	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,510	2.7 %	105%	15,833	86	29,350	4,381	(129)	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,900	2.8 %	78%	53,141	59	29,350	2,684	(216)	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CMBB2003	2,000	3,630	17.5 %	82%	1,738	20	18,700	3,418	(212)	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020
CMBB2005	2,000	1,300	44.4 %	-35%	1,169	6	18,700	1,465	165	VCI	MBB	17,390	0.9	26/10/2020
CMBB2006	1,100	2,490	10.2 %	126%	320	9	18,700	2,565	75	HCM	MBB	14,350	1.7	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMBB2007	1,400	2,510	8.2 %	79%	39,085	86	18,700	2,368		HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMSN2001	2,300	3,790	19.9 %	65%	9,489	57	83,700	3,644	(146)	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2005	2,100	4,600	16.5 %	119%	7,551	9	83,700	4,749	149	HCM	MSN	60,000	5.0	29/10/2020
CMSN2006	1,900	5,720	13.7 %	201%	4,409	86	83,700	5,620		HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	5,990	20.3 %	292%	1,298	48	83,700	6,182	192	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMWG2006	2,000	220	-4.4 %	-89%	16,892	6	106,800	0	(220)	VCI	MWG	108,480	4.9	26/10/2020
CMWG2007	12,900	22,100	-2.7 %	71%	1,675	41	106,800	21,292	(808)	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,230	-4.7 %	72%	1,156	7	106,800	2,326	96	HCM	MWG	83,820	9.9	27/10/2020
CMWG2009	1,600	3,200	-0.3 %	100%	3,417	3	106,800	3,286	86	MBS	MWG	80,860	7.9	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,800	-2.8 %	100%	53,961	86	106,800	2,678		HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,780	0 %	60%	63	59	106,800	4,371	(409)	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,900	-5.6 %	34%	4,442	111	106,800	5,845	(55)	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CNVL2001	2,300	2,000	33.3 %	-13%	1	57	62,000	4	(1,996)	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	-	0 %	-100%	-	141	62,000	690	690	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	120	-7.7 %	-94%	2,253	6	67,000	(0)	(120)	VCI	PNJ	75,000	5.0	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	720	-10.0 %	-28%	28,495	9	67,000	704	(16)	HCM	PNJ	60,000	10.0	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,180	-4.8 %	18%	52,848	86	67,000	850		HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,950	-6.1 %	77%	5,915	31	67,000	2,827	(123)	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,840	-3.0 %	27%	10,519	111	67,000	3,492	(348)	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,320	0.9 %	132%	2,127	9	41,600	2,324	4	HCM	REE	30,000	5.0	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,910	-6.9 %	149%	110	3	41,600	4,036	126	MBS	REE	29,500	3.0	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,530	1.6 %	95%	3,438	86	41,600	2,333		HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	0 %	-85%	6,521	57	2,300	(0)	(150)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	590	11.3 %	-80%	833	57	16,300	0	(590)	KIS	SBT	21,110	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,600	2.8 %	53%	15,085	57	14,200	2,366	(234)	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,300	0.3 %	136%	9,270	41	14,200	3,237	(63)	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,190	1.7 %	10%	18,561	14	14,200	1,202	12	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,460	1.4 %	-3%	8,656	167	14,200	906	(554)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2008	1,500	4,100	2.5 %	173%	3,905	31	14,200	4,026	(74)	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,650	1.4 %	121%	34,862	59	14,200	3,353	(297)	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CTCB2003	2,000	230	15.0 %	-89%	54,296	6	23,900	(0)	(230)	VCI	TCB	25,000	1.0	26/10/2020
CTCB2005	3,000	2,750	26.7 %	-8%	23,642	41	23,900	1,977	(773)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2006	1,200	3,010	15.8 %	151%	34,804	9	23,900	2,957	(53)	HCM	TCB	18,000	2.0	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,570	15.8 %	51%	51,539	86	23,900	2,023		HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	2,440	6.1 %	42%	25,462	59	23,900	1,999	(441)	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CVHM2001	3,100	740	-1.3 %	-76%	222	57	76,200	0	(740)	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,020	1.0 %	-65%	8,211	41	76,200	895	(3,125)	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2003	1,000	620	-1.6 %	-38%	26,854	9	76,200	625	5	HCM	VHM	70,000	10.0	29/10/2020
CVHM2005	1,400	750	-6.3 %	-46%	105,513	86	76,200	148		HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,770	0.6 %	-39%	26,328	111	76,200	820	(950)	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVJC2001	2,400	100	0 %	-96%	11	57	104,500	(0)	(100)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2002	1,900	50	-50.0 %	-97%	15,475	9	104,500	(0)	(50)	HCM	VJC	116,000	10.0	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,340	0 %	-33%	11,720	111	104,500	658	(682)	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,270	-8.6 %	-7%	2,286	41	106,200	13,719	(2,551)	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,820	-6.6 %	88%	1,426	9	106,200	2,823	3	HCM	VNM	83,400	8.1	29/10/2020
CVNM2007	2,400	-	0 %	-100%	-	141	106,200	335	335	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,170	-6.9 %	21%	7,470	86	106,200	1,634		HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,610	-6.1 %	44%	14,259	48	106,200	2,289	(321)	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,600	-5.5 %	-3%	2,677	111	106,200	2,057	(543)	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,880	8.1 %	-45%	32,519	41	24,800	996	(884)	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,200	11.1 %	-29%	34,682	9	24,800	1,158	(42)	HCM	VPB	22,500	2.0	29/10/2020
CVPB2008	1,800	2,030	4.6 %	13%	110,137	86	24,800	1,515		HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,570	7.1 %	58%	91,214	31	24,800	2,326	(244)	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVRE2003	3,000	190	0 %	-94%	9,802	57	27,450	0	(190)	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,400	1.5 %	-65%	9,308	41	27,450	271	(1,129)	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,140	4.6 %	4%	14,376	9	27,450	1,117	(23)	HCM	VRE	23,000	4.0	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2007	1,520	460	-2.1 %	-70%	60,536	167	27,450	79	(381)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,020	1.0 %	-15%	63,947	86	27,450	493		HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">PVT</a> (New)	HOSE	13,650	15,700	16/10/2020	666	1,757	21,242	11%	5.9%	8.9	0.6	10%
<a href="#">TCM</a> (New)	HOSE	25,050	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
<a href="#">HBC</a> (New)	HOSE	11,300	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
<a href="#">KBC</a> (New)	HOSE	14,800	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
<a href="#">ANV</a>	HOSE	19,700	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
<a href="#">DXG</a>	HOSE	12,250	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
<a href="#">ACV</a>	UPCOM	62,100	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	27,050	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	46,700	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	59,800	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a>	HOSE	46,100	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	87,700	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a>	HOSE	49,600	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	55,000	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	27,450	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,200	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	106,800	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	62,000	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,400	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	118,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)